

Thần thoại và nghi lễ tôn giáo tiếp cận từ góc nhìn của triết học về tôn giáo

Vũ Văn Chung*

Tóm tắt: Thần thoại và nghi lễ tôn giáo là hai lĩnh vực quan trọng trong đời sống tinh thần của con người, có mối quan hệ chặt chẽ, mật thiết với nhau. Đối với tín ngưỡng, tôn giáo nói chung và nghi lễ tôn giáo nói riêng, thần thoại cung cấp các chất liệu và màu sắc để định hình tính thiêng và bản chất “hư ảo” cho đời sống tôn giáo. Thần thoại tạo không gian siêu thực, một phần phản ánh ước muốn, khát vọng của con người về những điều thần bí thông qua thể giới các vị thần. Mặt khác, cũng là sự mô phỏng, tái diễn lại những sinh hoạt thường nhật trong đời sống thường ngày của con người được “hư cấu”, “tô điểm”, “thần thánh hoá”, khái quát hoá, trừu tượng hoá để “nhân đôi thế giới”, tách biệt giữa cái phàm và thiêng thông qua các lễ nghi tôn giáo. Trong bài viết này, dưới góc nhìn của triết học về tôn giáo, tác giả tập trung phân tích và làm sáng tỏ mối quan hệ giữa thần thoại và nghi lễ tôn giáo, như là một phương thức đặc thù để tạo thành bản chất thánh thiêng của tôn giáo, sự thực hành tôn giáo và đời sống tôn giáo của con người.

Từ khoá: thần thoại; nghi lễ tôn giáo; nghi thức; tôn giáo; triết học tôn giáo.

Ngày gửi 14/10/2022; ngày nhận 29/12/2022; ngày chấp nhận đăng 30/6/2023

DOI: <https://doi.org/10.33100/tckhxnvn9.3.VuVanChung>

1. Mở đầu

Thần thoại là một hình thức tư duy xuất hiện sớm trong các nền văn minh của nhân loại. Mỗi dân tộc trên thế giới đều có những sự tích, truyền thuyết riêng về vị thần này, thần khác mang tính bản sắc và đặc trưng của dân tộc mình. Các điển tích thần thoại phản ánh tư duy mang tính lịch sử, cụ thể của con người trong tiến trình lịch sử nhân loại, là tập hợp, phản ánh trung thực các ý tưởng về thế giới, con người. Sự xuất hiện của thần thoại không chỉ là một loại hình văn học nghệ thuật đặc trưng của nhiều dân tộc, mà còn là bức tranh giàu màu sắc để tạo nên chất liệu cho đời sống tinh thần, đời

sống tín ngưỡng, tôn giáo nói chung, nghi lễ tôn giáo của nhiều dân tộc trên thế giới nói riêng. Nghi lễ tôn giáo là những hành vi thể hiện niềm tin vào cái siêu nhiên thần thánh của cá nhân hay cộng đồng, được tuân theo quy tắc nhất định và lặp đi lặp lại theo quy định và chu kỳ. Trong đời sống tôn giáo và thực hành đời sống tôn giáo, thần thoại và nghi lễ tôn giáo được xem là hai yếu tố quan trọng, trung tâm cấu thành sự thờ cúng như một phần không thể thiếu tạo nên sự thống nhất của tôn giáo. Nhiều nghi lễ tôn giáo được nảy sinh từ thần thoại. Tuy nhiên, xuyên suốt lịch sử nghiên cứu tôn giáo học, mối quan hệ giữa thần thoại và nghi lễ tôn giáo luôn là vấn đề gây ra sự tranh cãi giữa các học giả, hiện còn có nhiều quan điểm tranh luận sôi nổi về vấn đề này. Chính vì vậy, để góp thêm một cách nhìn nhận, lý

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội; email: vuchung83@gmail.com

giải, hệ thống hoá và kế thừa những quan điểm đi trước về mối quan hệ giữa thần thoại và nghi lễ tôn giáo trong bối cảnh nghiên cứu tôn giáo hiện nay là cần thiết. Bài viết này từ góc độ triết học về tôn giáo sẽ đi sâu phân tích để làm sáng tỏ về bản chất của thần thoại cũng như nghi lễ tôn giáo, mối quan hệ giữa thần thoại và nghi lễ tôn giáo đối với việc thể hiện đặc trưng cho “tính thiêng” của các loại hình tôn giáo từng xuất hiện trong lịch sử nhân loại cho đến nay.

2. Lý thuyết, phương pháp và lịch sử nghiên cứu

Nghiên cứu và đề cập đến thần thoại và nghi lễ tôn giáo có thể tìm thấy ở nhiều công trình như: Bài viết “The Ritual View of Myth and the Mythic” của Stanley Edgar Hyman (1955), có nội dung đề cập đến những nghi lễ của huyền thoại và thần thoại xuất hiện sớm trong lịch sử nhân loại và mang đậm nét tính chất của văn hoá dân gian, như một phương thức biểu hiện niềm tin “sơ khai” của người nguyên thủy trong các xã hội cổ xưa; *Từ điển thần thoại*, của Meletinxki (1991). Đây là tác phẩm đề cập đến những lý giải về thần thoại và các điển tích thần thoại của các dân tộc trên thế giới, đồng thời qua đó cũng cho người đọc thấy được bản chất của thần thoại như một phương diện biểu lộ niềm tin và sự sùng kính, sự thánh hoá các sinh hoạt của con người dưới hình thức của những vị thần tối cao; Malinowski (1926), trong bài viết “Myth in Primitive Psychology” từ góc nhìn nhận của tâm lý học, nhất là tâm lý học đối với trường hợp người nguyên thủy, huyền thoại luôn đóng một vai trò quan trọng, tạo nên màu sắc lễ nghi để lý giải về niềm tin, tâm lý tôn giáo xuất hiện trong một số hình thức tôn giáo sơ khai; Mircea Eliade (2018) trong *Bàn về nguồn gốc các tôn giáo* đặt ra

giả thiết lý giải về nguồn gốc các tôn giáo từ nhiều góc độ nhận thức của người cổ xưa như kinh tế, văn hoá, xã hội. Đặc biệt, tác giả cũng gây hứng thú cho người đọc khi đưa ra thảo luận về giả thiết phải chăng thần thoại có trước và là nguồn gốc của các tôn giáo cổ xưa trong các xã hội nguyên thủy. Các vị thần bước ra từ tôn giáo đều có nguồn gốc từ thần thoại và được thần thoại hoá thông qua niềm tin tôn giáo, từ đó, thần thoại đi vào đời sống tôn giáo và là chất liệu quan trọng để định hình “tính thiêng” cho các lễ nghi; Nguyễn Văn Khoa (2014), trong *Thần thoại Hy Lạp*, ngay phần mở đầu tác giả đã đưa ra dẫn luận để giải thích về thần thoại là gì, đồng thời thông qua các câu chuyện và hệ thống các vị thần được xây dựng của người Hy Lạp cũng cho người đọc hình dung về một thế giới tôn giáo cổ xưa vô cùng phong phú và đa dạng vừa mang tính cách của con người nhưng đồng thời cũng phản ánh đậm chất “thần tính”, những điều mà con người không thể có được - đó là sự “thiên liêng hoá”, “khả năng siêu phàm”, “khả năng làm chủ, điều khiển vũ trụ, con người và vạn vật ở những lĩnh vực cụ thể như: Thần sắc đẹp, thần núi, thần sông, thần biển, thần đất, thần nước, thần rừng, thần chiến tranh, thần hoà bình.v.v...; Tylor (2001) trong bài viết “Văn hoá nguyên thủy”, tập trung làm sáng tỏ văn hoá của người nguyên thủy và những đặc tính thần thoại cũng như các lễ nghi tôn giáo sơ khai mang đậm màu sắc dân gian, phản ánh thế giới quan chất phác, cổ xưa của người nguyên thủy; Turner (2006), với bài viết “Biểu tượng trong nghi lễ của người Ndembu”, in trong tập *Những vấn đề nhân học tôn giáo* là bài viết từ việc phân tích nghi lễ của người Ndembu về các biểu tượng, tác giả cho thấy được sự cần thiết của các yếu tố thần thoại đối với vấn đề niềm tin tôn giáo qua các biểu tượng đó; *Cành vàng bách khoa thư về văn hoá nguyên thủy* Frazer (2019) là cuốn sách tập hợp những tri

thức về văn hoá của người nguyên thủy, trong đó thần thoại và nghi lễ tôn giáo đóng một vai trò quan trọng đối với việc định hình và cấu trúc của đời sống và thực hành niềm tin tôn giáo nguyên thủy sơ khai; Đặng Nghiêm Vạn (2012) trong công trình *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam* khi bàn về các hình thức tôn giáo sơ khai trong lịch sử, bước đầu tác giả cũng đề cập đến thần thoại và vai trò căn bản của thần thoại đối với việc xây dựng và hình thành nên các vị thần được thờ cúng trong các tôn giáo ở các xã hội nguyên thủy, v.v.. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu này, tiếp cận dưới nhiều góc độ nghiên cứu như nhân học, văn hoá học, văn học, v.v.. Tuy nhiên, tiếp cận dưới góc độ tôn giáo học để xem xét vấn đề thần thoại và tôn giáo thì dường như không nhiều. Đặc biệt, công trình của Đặng Nghiêm Vạn, *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam* (2012). Tác giả đã đề cập đến vấn đề nghi lễ tôn giáo và xem xét thần thoại như là một trong những yếu tố cấu thành của hành vi, nghi lễ tôn giáo. Tiếp cận dưới góc độ triết học về tôn giáo để xem xét về thần thoại và nghi lễ tôn giáo hiện còn là mảng đề tài đã và vẫn đang được sự quan tâm, nghiên cứu có tính hệ thống. Trong bài viết này, tác giả phân tích và làm sáng rõ vấn đề thần thoại và nghi lễ tôn giáo dưới góc nhìn của triết học về tôn giáo.

Về lý thuyết nghiên cứu, bài viết sử dụng lý thuyết nghiên cứu liên ngành và lý thuyết triết học về tôn giáo.

Thứ nhất, lý thuyết nghiên cứu liên ngành là một xu hướng mới và phát triển mạnh mẽ trong khoa học xã hội từ cuối thế kỷ XX, đây mà một xu thế “khoa học mới” của thế kỷ XXI. Mittesstrass (2018) cho rằng, sự liên ngành đích thực là sự xuyên ngành, xuyên ngành là làm cho các ngành riêng lẻ không còn như nó vốn có. Nghĩa là sự vận dụng các nguyên tắc và quy luật của

tư duy hệ thống hiện đại, kết hợp phương pháp của nhiều ngành khoa học riêng biệt như là những phương pháp cụ thể theo tính đích hướng và phương pháp luận để phát hiện và khám phá những đặc trưng của thần thoại và nghi lễ tôn giáo. Bởi thần thoại luôn mang đặc trưng và hơi hướng của thể loại văn học, còn nghi lễ lại cho thấy đặc thù của tôn giáo qua tính thiêng, kết hợp với những quan điểm khái quát luận từ khía cạnh triết học về tôn giáo được rút ra. Dưới góc độ triết học tôn giáo, thần thoại và nghi lễ chỉ là một trong vô số đối tượng nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn nhưng đặt dưới quan điểm nghiên cứu xuyên ngành và liên ngành thì hướng tiếp cận trong bài viết này nhằm mang đến một góc nhìn gợi mở và mới mẻ về một đối tượng nghiên cứu “không mới”. Đây chính là góc nhìn mà Roland Barthes đã giúp cho chúng ta nhìn thấy rõ hơn về những huyền thoại trong xã hội hiện đại.

Thứ hai, lý thuyết triết học về tôn giáo, đó là đòi hỏi xem xét quan hệ giữa thần thoại và nghi lễ trong tính tổng thể và phức hợp từ nhiều thành phần đơn lẻ nhằm tạo ra sự phong phú và khẳng định yếu tố thiêng của nghi lễ trong tôn giáo, đồng thời cũng cho thấy tính độc lập của thần thoại với tư cách là một hình thức diễn ngôn về tư duy của con người trong thế giới cổ xưa. Đồng thời, lý thuyết triết học về tôn giáo cũng cho phép logic và thao tác hoá các khái niệm, những phân tích và đánh giá khách quan gợi mở mức độ khái quát hoá của các quy luật, hình thành tính hợp trội (emergence) của các chủ thể nghiên cứu được lựa chọn, cụ thể trong bài viết là thần thoại và nghi lễ tôn giáo. Xác định được rõ và phân biệt được đối tượng nghiên cứu của thần thoại và nghi lễ tôn giáo trên phương diện triết học về tôn giáo có những đặc trưng khác biệt so với tiếp cận văn học, xã hội học, văn hoá học, thần học. Muller khi giải thích tôn giáo từ

góc độ triết học cũng cho rằng: “Nếu có một loại triết học chuyên khảo cứu tri thức cảm giác của con người, một loại triết học khác thì khảo cứu tri thức lý tính của con người, vậy thì nên có loại triết học thứ ba để khảo cứu “loại thiên bẩm thứ ba của con người” - loại thiên bẩm về nhận thức vô hạn (thần)” (Muller 2006: 13-14) . Như vậy, nguyên lý tôn giáo lấy suy tư triết học làm chủ đạo để giải thích bản tính con người, về thực chất đó là triết học tôn giáo. Triết học tôn giáo (religious philosophy) là những lập luận triết học độc lập về thần linh và tôn giáo, một kiểu triết lý đặc thù nhằm chỉ rõ bản chất của tôn giáo. Cụ thể trong bài viết này là chỉ rõ được bản chất của nghi lễ và thần thoại cũng như mối liên hệ giữa chúng từ góc độ triết học. Bên cạnh khái niệm triết học tôn giáo thì còn có khái niệm triết học về tôn giáo (Philosophy of Religion) mà trong bài viết này tác giả sử dụng. Về cơ bản, hai khái niệm là hai dạng thể hiện quan hệ giữa triết học và tôn giáo. Điểm tương đồng là đều luận bàn, suy tư triết học về những vấn đề cơ bản của tôn giáo như: luận chứng, cơ sở nền tảng đức tin tôn giáo, giáo lý, giáo luật, kinh điển, pháp điển, lễ nghi và đời sống tôn giáo. Thực chất, chúng khác nhau ở góc độ tiếp cận, triết học tôn giáo tiếp cận vấn đề có khuynh hướng thiên về thần học, niềm tin và tính thiêng. Còn triết học về tôn giáo lại tiếp cận lý tính và tri thức, thể tục. Chính vì lẽ đó, nghi lễ tôn giáo với vai trò là những hoạt động mang tính thể tục và thần thoại ở đây cũng được xem như những biểu đạt và tượng trưng ngôn ngữ, lối tư duy của người cổ xưa. Do đó, vận dụng lý thuyết triết học về tôn giáo sẽ giúp cho tác giả bài viết có được những góc nhìn mang tính khách quan hơn, những tiếp cận từ bên ngoài tôn giáo để chia tách và chỉ rõ sự độc lập của thần học và nghi lễ tôn giáo với tư cách là hai dạng thức hoạt động của đời sống tinh thần và tư duy con người.

Để làm rõ mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra ở trên, tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cơ bản như: phương pháp phân tích văn bản, tổng hợp, quy nạp và diễn giải, phương pháp lịch sử và logic, v.v. đặc biệt là phương pháp thần thoại học và phương pháp nghiên cứu so sánh.

Phương pháp thần thoại học cho phép người nghiên cứu thấy được sự tồn tại của thần thoại như một dạng tư duy của người nguyên thủy và trạng thái ý thức đặc biệt của con người, những quan niệm về thế giới quan và nhân sinh quan, bản chất con người. Các hình thức tồn tại của thần thoại tồn tại dưới dạng truyền thuyết, lời nói, câu chuyện hoặc sử thi, những kiểu diễn xướng thần thoại, cách nói vần của người cổ xưa, v.v. do đó, dễ nhớ, dễ hiểu và dễ thuộc, đơn giản mà gần gũi với dân gian. Mechkovskaya chỉ ra rằng: “Thần thoại về mặt lịch sử là hình thái ý thức tập thể đầu tiên của con người, là bức tranh tổng thể của thế giới, trong đó các yếu tố tôn giáo, thực tế, khoa học, nghệ thuật chưa được phân biệt và không tách rời nhau. Văn học dân gian về mặt lịch sử là sự sáng tạo tập thể mang tính nghệ thuật (thảm mỹ) đầu tiên của con người (câu chuyện, thơ ca, vũ đạo, kịch)” (Mechkovskaya 1998: 54-55). Bằng phương pháp thần thoại học, cho phép người nghiên cứu có sự phân chia thành các hình thức thần thoại sáng thế (thần thoại vũ trụ và nhân chủng), thần thoại mặt thế và lịch thời gian, thần thoại anh hùng, thần thoại thờ cúng, thần thoại chiêm tinh, v.v.. Về cơ bản, hai mảng thần thoại lớn nhất là thần thoại về tôn giáo và thần thoại dân gian. Thần thoại học không nghiên cứu câu chuyện thần thánh nói chung mà xác lập khuôn mẫu thần thoại, giải thích cơ sở hành vi khi thần thoại phục vụ cho nghi thức hàng ngày, mang lại cơ hội tìm kiếm ý nghĩa sự sống (Eliade 1999: 737).

Phương pháp nghiên cứu so sánh trong bài viết này được tác giả sử dụng để chỉ ra những đặc trưng của tiếp cận liên ngành nghiên cứu triết học về tôn giáo có sự tương đồng và khác biệt với một số hướng tiếp cận khác trong nghiên cứu về tôn giáo, cụ thể ở đây là nghi lễ và thần thoại. Từ đó, bài viết cũng cho thấy những đóng góp đặc thù của hướng tiếp cận triết học về tôn giáo đối với mối quan hệ giữa nghi lễ và thần thoại là một hướng tiếp cận mới, góp phần chỉ ra được tính độc lập và tính thế tục của thần thoại và nghi lễ tôn giáo, đóng vai trò như hai yếu tố thực thể quan trọng nhằm tạo nên tính thiêng trong tôn giáo. Điều này là vô cùng quan trọng đối với nghiên cứu tôn giáo học nói chung và triết học về tôn giáo nói riêng. Đúng như ông tổ của tôn giáo học so sánh Muller đã chỉ ra: “Nên tiến hành so sánh một cách công tâm, khoa học chân chính đối với tất cả các tôn giáo, chỉ ít là đối với các tôn giáo quan trọng nhất của loài người; trên cơ sở đó kiến lập tôn giáo học” (Muller 2006: 19). Đối với bài viết này, nghiên cứu so sánh nghi lễ tôn giáo và thần thoại cho phép người nghiên cứu chỉ rõ các hình thái lịch sử tôn giáo và vị trí của thần thoại như những cách tư duy đầu tiên của thế giới cổ xưa, phân loại và so sánh được tiếp cận thần học và nghi lễ về tôn giáo có tính đặc thù và tượng trưng, ở một khía cạnh nào đó là vô cùng quan trọng đối với việc định hướng niềm tin và bản chất của tôn giáo.

3. Khái niệm thần thoại và nghi lễ tôn giáo dưới góc nhìn của triết học về tôn giáo

Thần thoại là một loại hình văn học xuất hiện sớm trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Đối với mỗi nền văn minh, mỗi tộc người, thần thoại chính tư duy, là món ăn tinh thần xuất hiện sớm trong lịch sử và bồi đắp cho

văn hoá, bản sắc dân tộc. Hiện có nhiều quan niệm khác nhau về thần thoại. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, từ góc độ triết học về tôn giáo, xin được khái quát một số cách hiểu cơ bản về thần thoại như sau:

Thần thoại (huyền thoại) “là hình thức ra đời từ thời nguyên sơ, là những lý giải của con người, có thể sai hay đúng, về một hiện tượng tự nhiên hay xã hội mà bản thân họ chưa hiểu nổi” (Nehru 1990: 29-30). Có thể thấy được, trong cách hiểu này, thần thoại là thế giới quan cổ xưa của người nguyên thủy, là sự lý giải thô sơ của họ về giới tự nhiên và con người cũng như xã hội loài người.

Nguyễn Văn Khoá (2014: 6) trong *Lời giới thiệu* cuốn sách *Thần thoại Hy Lạp* cho rằng: “Thần thoại, tiếng Hy Lạp cổ là *Mythologia* có nghĩa là một tập hợp, một tổng thể những truyện kể dân gian truyền miệng với những nội dung mà ngày nay chúng ta coi là hoang đường, kỳ ảo, huyền hoặc. *Mythologia* được cấu tạo bởi hai từ *Mythos* và *Logos*. *Mythos* là truyền thuyết, truyện cổ tích, ngày nay chúng ta dịch là huyền thoại. *Logos* là ngôn từ truyện kể. Thật ra lúc đầu *Mythos* mang ý nghĩa là ngôn từ, sau dần mới chuyển thành truyền thuyết, truyện cổ tích hoặc truyện ngụ ngôn. Còn *Logos* lúc đầu mang nghĩa là lời nói xấu xa nịnh hót, lời nói tinh quái sau dần mới chuyển thành ngôn từ, lời nói chân chính và cuối cùng mang nghĩa là lời nói của văn xuôi hoặc là học thuyết, khoa học. Trong ý nghĩa này, *Logos* đối lập với *Mythos*. *Mythos* là lời nói của thơ ca, truyền thuyết, truyện cổ tích, nghĩa là lời nói của ảo tưởng, hoang đường không duy lý, không đáng tin cậy, lời nói chưa có trật tự, ổn định, rõ ràng, minh xác. Còn *Logos* là lời nói của lý trí và chân lý, lời nói của sự ổn định, trật tự, xác thực, đáng tin cậy, lời nói thông minh về bản chất của sự vật”.

Thuật ngữ *Mythologia* trong suốt tiến trình phát triển của nền văn minh Hy Lạp

luôn có sự biến đổi thích ứng với tư duy dân tộc trong quá trình phát triển của xã hội từ thời kỳ nguyên thủy lên các hình thức xã hội cao hơn, cùng với sự hoàn thiện của tư duy lý luận. Người Hy Lạp còn hiểu thần thoại là những câu chuyện chứa đựng chân lý, phản ánh chân lý, là lời nói đúng. Bởi theo cách hiểu từ triết học tôn giáo, Logos khi xuất hiện cùng với Kitô giáo theo nghĩa là “thần ngôn”, hay ngôi lời đức Chúa con, ngôi lời đứng giữa đức Chúa cha và thế giới, thế giới hữu hình và vô hình, ngài tạo ngôi lời và sự thông thái. Đặc biệt, ngôi lời thể hiện rõ nhất trong sách Phúc Âm của Thánh Gioan, Thánh Gioan miêu tả Chúa là hiện thân của ngôi lời, ngôi lời nhập thể và cư ngụ giữa chúng ta, ngôi lời như ánh sáng mà bóng đen thì không bao giờ tiếp nhận ánh sáng” (Nguyễn Minh Tiến 2000: 464-465). Logos cũng có nghĩa là “sự diễn tả hữu lý, nghĩa là sự giải thích hữu lý về đức tin tôn giáo” (Ryrie 2013: 12).

Thần thoại còn được hiểu theo nguyên nghĩa của tiếng Hy Lạp là truyền thuyết, truyện thoại, “thường người ta hiểu nó là truyện về các vị thần, các nhân vật được sùng bái hoặc có quan hệ nguồn gốc với các vị thần, về các thế hệ xuất hiện trong thời gian ban đầu, tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc tạo lập nên những nhân tố của nó - thiên nhiên và văn hóa. Hệ thần thoại (mifalogia) là tổng thể những câu chuyện như thế về các vị thần và các nhân vật đồng thời là hệ thống những quan niệm hoang đường về thế giới” (Meletinxki 1991: 653).

Thần thoại theo cách hiểu của trường phái đi vào thần thoại để chứng minh các câu chuyện về Chúa Giêsu trong sách Phúc Âm nghĩa là “quá trình cá nhân hoá những hiện tượng thiên nhiên và xã hội loài người” (Mai Thanh Hải 2002: 598). Theo nghĩa này, thần thoại hay tư duy thần thoại không nằm ngoài đời sống xã hội loài người mà ngược lại, nó luôn mang tính lịch sử cụ thể

như nhiều hiện tượng khác trong tiến trình lịch sử nhân loại. Tư duy thần thoại là sản phẩm của một trình độ sản xuất hết sức thấp kém, một trình độ hiểu biết và không chế những lực lượng tự nhiên hết sức thấp kém của xã hội công xã thị tộc. Những người nguyên thủy trong quá trình sinh tồn, chinh phục và cải tạo, chung sống với tự nhiên thể hiện sự bất lực của họ khi coi tự nhiên là một lực lượng thần bí trong tưởng tượng và nhờ trí tưởng tượng của mình đã nhân cách hoá tự nhiên thành các vị thần mang hình ảnh của cộng đồng mình. Chính sự nhận thức thiên nhiên và toàn bộ thế giới qua tư duy tưởng tượng thô sơ của cộng đồng các thị tộc, bộ lạc đã là nguồn gốc của thần thoại. “Người nguyên thủy đã di chuyển những quan hệ công xã thị tộc vào tự nhiên, đồng hoá những quan hệ đó với tự nhiên trong một cách nhìn, một trí tưởng tượng, khái quát sinh động - nghĩa là không phải sự khái quát trừu tượng hoá bằng khái niệm mà bằng hình ảnh, hình tượng. Tự nhiên và toàn bộ thế giới được thần thoại hoá bằng những hình ảnh hình tượng con người mang tính nét, tính cách của con người” (Nguyễn Văn Khoa 2014: 8).

Với quan niệm trên, thần thoại là sản phẩm sáng tạo của người nguyên thủy nhằm đáp ứng nhu cầu nhận thức và chinh phục tự nhiên. Thần thoại là “sản phẩm tinh thần của người nguyên thủy, nội dung của nó mang nặng tính chất hoang đường ảo tưởng nhưng trong đó cũng chứa đựng nhiều yếu tố có giá trị quan trọng về nhiều mặt. Sự nhận thức và lí giải sai lầm, ảo tưởng về thế giới ở trong thần thoại là điều tất yếu không thể tránh khỏi” . (Ph.Ăngghen 2008: 315). Như vậy, thần thoại hay còn gọi là huyền thoại là những tuýp truyện không có thật, hoang đường, tưởng tượng về thế giới, con người và các vị thần của người nguyên thủy. Thần thoại đề cập tới những vấn đề về thế giới quan, nhân sinh quan của người nguyên thủy

nhằm lý giải nguồn gốc vũ trụ, con người thông qua các nhân vật được thần thánh hoá, siêu nhiên, mang màu sắc huyền bí và hư ảo. Khác với niềm tin tôn giáo gắn với các lễ nghi thờ cúng và sự thực hành, thần thoại thể hiện những quan niệm và cách lý giải mơ hồ về các vị thần, tạo cho người nguyên thủy một niềm tin kính trọng, tôn sùng, bởi trong trình độ nhận thức của họ các vị thần, thánh trong thần thoại là có thật. Trong suốt quá trình phát triển của lịch sử tôn giáo, thần thoại đã trở thành chất liệu quan trọng, thành tố không thể thiếu của tôn giáo, đặc biệt là nghi lễ tôn giáo.

Triết học về tôn giáo xem xét nghi lễ tôn giáo như là thuộc tính biểu hiện cho bản chất của tôn giáo, đóng vai trò quan trọng trong đời sống tín đồ, là sự trải nghiệm và thực hành hàng ngày của tín đồ các tôn giáo. Nghi lễ (ritual), “là hành vi được quy định có tính chất nghi thức dành cho những dịp, không liên quan đến các công việc có tính chất kỹ thuật hàng ngày, mà có quan hệ với các niềm tin vào đẳng tối cao hay các sức mạnh thần bí” (Turner 2006: 242). Thuật ngữ latin nghi lễ là “ritus”, là “hình thức hoạt động thể hiện hành vi con người trong mối quan hệ giữa con người với các đẳng siêu nhiên, được thể hiện bằng những thói quen xã hội gián tiếp, những tập tục, tức bằng những cung cách hành động tạo nên một sự bền vững chắc chắn của cộng đồng” (Đặng Nghiêm Vạn 2012: 121).

Nghi lễ không chỉ là những hoạt động, sinh hoạt của đời sống đạo tín đồ các tôn giáo mà nghi lễ còn là những luật lệ, quy chuẩn và nghi thức, phong cách, tư thái nhằm thể hiện đức tin và sự kính phục, kính trọng của những người có đạo đối với đẳng siêu nhiên của mình. “Nghi là nghi thức, khuôn khổ bên ngoài thuộc phần hình thức. Lễ là cách bày tỏ lòng cung kính của mình, lấy hình thức lễ cúng mà nói lên niềm cung kính bên trong. Học nghi lễ là học những

cách thức làm lễ, học những bài ứng dụng trong khi cầu nguyện, cúng hiến” (Thích Hoàn Quan 2018: 13). Hay “Nghi là dáng vẻ bên ngoài. Lễ là khuôn mẫu, phép tắc, cư xử với nhau. Nghi lễ là một nghi thức” (Thích Thanh Lợi 2020: 35). Hoặc nghi lễ còn được định nghĩa: “Nghi là dáng, làm mẫu, làm phép, “Lễ” là theo cái khuôn mẫu của người đã quy định ra các phép tắc, từ quan, hôn tang, tế cho đến đi đứng, nói năng đều có cái phép nhất định phải như thế, gọi là lễ, kính lễ, đồ lễ, nhân người ta có việc mà mình đưa vật giá tặng gọi là lễ” (Thiền Chử 2004: 35-44). Theo cách hiểu này, Đặng Nghiêm Vạn cho đó là tính thể tục của nghi lễ. Đối với mọi tôn giáo, thì nghi lễ đóng vai trò quan trọng trong sinh hoạt đức tin: “Tán tụng cúng bái là một phần của nghi lễ, nghi lễ nó có mặt trong mọi sinh hoạt tôn giáo, nghi lễ là hình thức được thể hiện qua bên ngoài từ cái lòng của mình. Cho nên một khung cách trang nghiêm, một cử chỉ từ tốn, một âm thanh du dương, đều là phương tiện giúp cho người ta về với đạo. Nghi lễ nó có mặt trong truyền giáo, giáo dục và trong giáo hội, không thể vắng nghi lễ” (Thích Lệ Trang 2012: 7).

Nghi lễ tôn giáo cũng được hiểu là những nghi thức quy định chung trong cách thức biểu lộ đức và phương thức thực hành đời sống đạo của tín ngưỡng, tôn giáo nhằm dẫn dắt tín đồ, người có niềm tin tôn giáo theo những lý tưởng, giáo lý và mục đích hành đạo của tôn giáo. Nghi lễ tôn giáo là hành vi của tín đồ mang tính biểu tượng, được lặp đi lặp lại nhiều lần, thực hiện thường xuyên theo một chu trình nhất định trong một không gian tôn giáo, liên quan đến đối tượng thiêng liêng. Các nghi lễ tôn giáo bao gồm những hình thức tụng kinh, cầu nguyện, thờ phụng hoặc tôn kính đối với đẳng siêu nhiên. Theo Đặng Nghiêm Vạn (2012: 117-118) thì nghi lễ tôn giáo chính là những hành vi thực hành đời sống đạo, ông viết:

“Hành vi thờ cúng liên quan đến niềm tin, giáo lý tôn giáo được thực hiện bởi các chức sắc, những người hành nghề tôn giáo chuyên nghiệp, hoặc tự thực hiện, được sự chỉ dẫn của một nguyên lý và nội dung nhất định. Mọi tôn giáo đều được thực hiện bằng hai phương pháp để có thể quan hệ với các siêu linh ở bên kia thế giới. Một là bằng tự cá nhân. Cá nhân có thể đại diện cho đơn vị huyết thống gia đình hay một nhóm xã hội. Hai là được tiến hành dưới hình thức cộng đồng. Những hành vi tôn giáo đó thường được gọi là nghi lễ hay lễ thức”.

Nghi lễ tôn giáo có thể gồm nhiều loại nghi thức, có những nghi lễ vòng đời trực tiếp liên quan đến các sự kiện, dấu mốc thời gian quan trọng của một con người như: lễ bản mệnh, tang ma, cưới hỏi; có những nghi lễ tôn giáo gắn liền với các hoạt động lao động, sản xuất và sinh hoạt hàng ngày của con người, nhưng cũng có những nghi lễ liên quan đến sự thực hành và tu tập trong các tôn giáo lớn như nghi lễ của Phật giáo, nghi lễ của Kitô bao gồm Công giáo, Tin Lành, Chính thống giáo và Anh giáo; nghi lễ của Islam; các nghi lễ của những tôn giáo dân tộc như Đạo Sik, Đạo Gaiina, Đạo Shinto, Ấn Độ giáo, v.v.; các nghi lễ của các tôn giáo, tín ngưỡng trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, các nghi lễ tôn giáo truyền thống của các dân tộc và các quốc gia trên thế giới, v.v.. Nghi lễ tôn giáo là cách thức ứng xử của con người đối với đấng siêu nhiên, góp phần thể hiện được niềm tin tôn giáo. Nghi lễ tôn giáo có thể là hành vi của cá nhân nhưng cũng có thể là hành vi của cả cộng đồng có cùng tín ngưỡng. “Nghi lễ là mối quan hệ các thực thể ở thế giới bên kia với cuộc sống trần gian của cộng đồng và cá nhân, nó làm cho nội dung giáo lý tôn giáo trở nên sống động, phổ quát qua thực hành hành vi tôn giáo” (Đặng Nghiêm Vạn 2012: 119-120).

Nghi lễ tôn giáo bao gồm một hệ thống những nghi thức có ý nghĩa thiêng liêng nhất định được quy định chặt chẽ như một phần quan trọng của đời sống tôn giáo. Các nghi lễ tôn giáo không chỉ góp phần củng cố đức tin và giáo lý các tôn giáo mà còn góp phần cụ thể hoá chức năng đền bù, bù đắp của tôn giáo trong đời sống tâm linh, đáp ứng nhu cầu tinh thần của tín đồ các tôn giáo nói chung và của cộng đồng nói riêng. Thông qua nghi lễ tôn giáo không chỉ giúp cho con người thấy được những giá trị về đạo đức, văn hoá và truyền thống, được dần thân và trải nghiệm trong thực hành đức tin trong đời sống đạo của chính mình với vai trò của người thờ phụng mà còn chuyển hoá, an ủi con người, tạo sự liên kết trong cộng đồng, dòng tộc và xã hội. Mỗi hình thức tôn giáo có những quy định khác nhau về nghi lễ tôn giáo, mang bản sắc và tính đặc thù, bắt buộc đối với các tín đồ tin theo phải thực hành. Dựa vào tính chất và loại hình nghi lễ, Đặng Nghiêm Vạn phân loại thành:

Thứ nhất, những nghi lễ tuân thủ theo chu kỳ thời gian, thường được tổ chức theo năm, tháng Dương lịch, Âm lịch hay theo lịch của các tôn giáo như đạo Phật, Islam, Kitô giáo, hay của các dân tộc, tộc người trên thế giới.

Thứ hai, những nghi lễ tuân thủ theo chu kỳ đời người. Liên quan đến những thời kỳ chuyển tiếp quyết định đời sống một con người, đến sự sinh đẻ của người phụ nữ, sự ra đời và chăm sóc đứa trẻ, lễ thành đinh chứng tỏ cá nhân con người đó đã bắt đầu được gia nhập cộng đồng với tư cách một thành viên chính thức, hôn nhân, lên lão, tang lễ, v.v.. “Có những loại nghi lễ có tính công khai với toàn dân, nhưng cũng có những nghi lễ bí mật chỉ tiến hành với một nhóm người trong một tổ chức tôn giáo hay chỉ với riêng tín đồ tôn giáo. Ngoài những loại nghi lễ trên có tính thường kỳ theo chu kỳ thời gian, cũng như theo chu kỳ của con

người (rites cycliques), còn có những nghi lễ được thực hiện để đối phó với một hiện tượng không bình thường nào nó xảy ra, khác với trật tự của tự nhiên hay của đời sống con người (rites occasionnels)” (Đặng Nghiêm Vạn 2012: 127).

Thứ ba, những nghi lễ riêng của từng tôn giáo, nhằm mục đích giáo dục các tín đồ hay chức sắc am hiểu giáo lý, tuân thủ giáo luật, giữ được phẩm chất, đạo đức, theo mục đích của đạo. Nghi lễ cũng có những nguyên tắc nhất định, tùy theo từng tôn giáo mà có quy định cụ thể. Đối với phần lớn tôn giáo, nghi lễ không thể thiếu phần lễ - nhạc. Lễ nhạc là một cách thức giúp truyền tải tính thiêng và giá trị sống đạo đức, lối ứng xử của con người và lòng tôn kính đối với đấng siêu nhiên. Nghi lễ có tính chất căn bản như sự trang nghiêm, tính giáo dục và tính văn hoá, bản sắc. Vừa thể hiện mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với đấng siêu nhiên và lòng kính trọng, truyền tải giáo lý tôn giáo đến với tín đồ, mang lại sự “bù đắp” về mặt tinh thần cho những tín đồ. Đặc biệt, thể hiện tinh thần giáo dục tín đồ của mỗi tôn giáo. Nghi lễ có vai trò quan trọng đối với các tôn giáo và đối với quần chúng, tín đồ, người có đức tin tôn giáo, nhất là trong việc truyền giáo và tu học của tín đồ, củng cố đức tin và làm phong phú đời sống đạo.

Như vậy, nghi lễ tôn giáo vừa thể hiện niềm tin của con người vào thế giới siêu nhiên, nhưng đồng thời cũng dẫn con người đến đối tượng thờ cúng của họ. Nghi lễ tôn giáo thoả mãn những nhu cầu trong đời sống trần tục của con người. Thông qua nghi lễ, con người được sống trong không gian tôn giáo, được kết nối với cái phi trần tục, đáp ứng niềm tin vào sức mạnh vô hình nào đó, khó có thể lý giải được. “Nếu nói rằng, những nơi thờ tự là không gian thiêng, nếu những lúc thực hành nghi lễ là thời gian

thiêng, thì việc con người trải qua nghi lễ tại nơi thờ tự là đang sống trong một trường tôn giáo, mà ở đó cái thiêng ngự trị” (Đặng Nghiêm Vạn 2012: 130-132). Trong các nghi lễ, yếu tố tâm lý, tình cảm đóng một vai trò rất quan trọng, vì đó là dịp để con người đối thoại trực tiếp với đối tượng mình thờ cúng. Sự đối thoại đó thông qua một chức sắc được coi là người trung gian, thậm chí là đại diện cho thần linh. Trong không gian nghi lễ tôn giáo, dưới con mắt của tín đồ và những người có niềm tin tôn giáo, bản thân họ luôn cảm nhận được sự thoát tục. Dù mang tính tập thể hay cá nhân, nghi lễ tôn giáo phải được tổ chức trong một không khí thiêng, với nhiều hình thức rất khác trần tục, nhưng đôi khi đan xen lẫn nhau giữa trần tục và thánh thiêng. Tinh thánh thiêng được coi là bản chất của tôn giáo có lẽ cũng được cấu thành một phần từ thần thoại. Thần thoại như là một yếu tố cấu thành nên bản chất tôn giáo nói chung và cách thức, nghi lễ tôn giáo nói riêng.

4. Quan hệ giữa thần thoại và nghi lễ tôn giáo tiếp cận dưới góc nhìn của triết học về tôn giáo

Triết học về tôn giáo không chỉ bàn luận đến những vấn đề về bản chất của tôn giáo, thế giới quan, nhân sinh quan, nhận thức luận trong các lý thuyết tôn giáo từng tồn tại trong lịch sử nhân loại. Triết học về tôn giáo còn làm rõ mối quan hệ thực tại giữa tôn giáo nói chung và các yếu tố cấu thành của tôn giáo nói riêng đối với các lĩnh vực khoa học, đời sống và xã hội trong lịch sử và hiện tại. Với vai trò là một thành tố quan trọng cấu thành nên tôn giáo, nghi lễ tôn giáo cho thấy được vị trí của mình trong mối quan hệ với các yếu tố cấu thành nên lý thuyết tôn giáo. Đặc biệt, sự gắn kết và gắn gũi của thần học đối với nghi lễ tôn giáo - một trong

những yếu tố đặc thù, tồn tại và xuyên suốt lịch sử phát triển của tôn giáo.

Khi bàn đến quan hệ giữa thần thoại và nghi lễ tôn giáo nhiều nhà nghiên cứu cho rằng thần thoại là khởi nguồn cho tôn giáo nói chung và nghi lễ tôn giáo nói riêng: “Thần thoại được củng cố bằng lễ thức mới thành nội dung của một hình thức tôn giáo. Có nhiều thần thoại khác nhau tạo nên niềm tin về các siêu linh. Thần thoại cùng thời gian phức tạp dần, thành hệ thống, nhằm giải thích hình tượng khác lạ: nguồn gốc vũ trụ, nguồn gốc dân tộc, nguồn gốc con người, tạo dựng nên thế giới bên kia với đầy đủ các yếu tố. Những yếu tố tôn giáo đó gắn với con người qua giấc mơ, qua những sự việc ngẫu nhiên hay không giải thích được. Tất cả những điều tưởng như phi lý lại được cấu tạo thành những hình ảnh như một sự thật hiện hình trong tư duy duy lý (Levi Strauss), sản sinh ra các tôn giáo sơ khai hay những thành tố của tôn giáo định hình muộn hơn trong xã hội có giai cấp” (Đặng Nghiêm Vạn 2012: 101-102). Trong lịch sử tôn giáo lớn trên thế giới, đã từng có những nghi lễ được nảy sinh từ thần thoại, chẳng hạn như Lễ Vượt qua của người Do Thái, Lễ Giáng sinh và Lễ Phục sinh của những người theo đạo Kitô, và lễ Hajj của người theo Islam, v.v. những nghi lễ tôn giáo này là các dấu mốc đánh dấu những sự kiện tôn giáo, kỷ niệm về các sự kiện được nhắc đến trong tôn giáo.

Tuy nhiên, ngược lại, cũng có những trường phái nghiên cứu cho rằng “mọi thần thoại đều bắt nguồn từ một nghi lễ cụ thể và thần thoại là sự tái tạo kế thừa của các hành vi được tái hiện trong các nghi lễ” (Meletinsky 1991: 117). Nghi lễ có tính ưu việt và đóng vai trò quan trọng, hình ảnh các vị thần được thờ phụng trong những nghi lễ được giải thích rõ ràng hơn về nguồn gốc, lai lịch, thần tích trong thần thoại. Tiêu

biểu cho trường phái này, có thể kể đến các học giả như: Smith (1889), Frazer (2019), Harrison (2008).v.v...

Đặc biệt, có trường phái cho rằng, thần thoại và nghi lễ tôn giáo đều xuất hiện cùng một thời điểm trong xã hội nguyên thủy, có thần thoại thì tất yếu xuất hiện nghi lễ tôn giáo và ngược lại. Sự xuất hiện cùng lúc này cho thấy mối liên hệ giữa thần thoại và nghi lễ tôn giáo như quan hệ nhân quả, cái này vừa là nguyên nhân nhưng đồng thời cũng vừa là kết quả của cái kia và ngược lại. Trong thần thoại tất yếu đã bao hàm nghi lễ và ngược lại trong nghi lễ tất yếu cũng sẽ bao hàm thần thoại, do đó, không thể tách rời giữa thần thoại và nghi lễ tôn giáo ra một cách độc lập trong nghiên cứu tôn giáo học nói chung và triết học về tôn giáo nói riêng. Các đại diện tiêu biểu cho trường phái này có thể kể đến như: Jakov, E.Golosovker, Frank-Kamenecky, Olga Freidenberg, Mikhail Bakhtin, Bill Stannerand và Victor Turner. Giữa thần thoại và nghi lễ thì thần thoại thể hiện bản chất nhận thức của người nguyên thủy trong việc giải thích thế giới, còn nghi lễ chỉ là sự cụ thể hoá, một khía cạnh biểu hiện cụ thể của thần thoại mà thôi. Nghi lễ là sợi dây gắn kết giữa thần thoại với con người, là cơ sở thực tiễn để thần thoại và các vị thần trong thần thoại được hiển hiện trong đời sống thể tục của con người.

Tylor (2001) cho rằng, thần thoại về thực chất được xem như nguồn gốc ban đầu của sự phát triển trí tuệ của người nguyên thủy trong các xã hội ấu trĩ, cổ xưa. Nội dung của thần thoại trong mỗi giai đoạn xã hội luôn mang tính dân gian hoá và thể hiện những bước thay đổi trong nhận thức, tư duy và sự hoàn thiện về trí tuệ của con người. Từ những thần thoại, các vị thần đơn giản, chất phác, mộc mạc và thô sơ đến những vị thần được nhân cách hoá trong tương tượng vô

cùng hoàn hảo, trác tuyệt như những tượng đài hoàn mỹ xúng tằm đỉnh cao của nghệ thuật cho thấy được những bước tiến lớn trong tư duy, ước vọng của con người luôn hướng đến sự tuyệt đối của Chân, Thiện, Mĩ: “Nguyên nhân đầu tiên và chủ yếu của việc biến những sự kiện thuộc kinh nghiệm hằng ngày thành huyền thoại là lòng tin vào sinh khí của toàn bộ tự nhiên - lòng tin này đã đạt tới đỉnh cao nhất ở sự nhân cách hoá nó. Đó tuyệt nhiên không phải là tác động ngẫu nhiên hay giả định của trí tuệ con người gắn liền với trạng thái trí tuệ nguyên thủy, khi con người nhìn thấy những biểu hiện của đời sống và ý chí cá nhân trong những chi tiết nhỏ nhất của thế giới chung quanh mình. Tôn giáo và triết học sẽ được nảy sinh từ đó. Đối với các bộ lạc nguyên thủy, mặt trời và các ngôi sao, cây cối và sông ngòi, mây và gió đều trở thành những thực thể có hồn sống riêng... Tư tưởng của người nguyên thủy dựa vào một triết lý rộng lớn về tự nhiên, tuy còn thô sơ nhưng có thể hiểu được một cách hoàn toàn thực tế...” (Taylor 2001: 384-385). Thần thoại chính là một cách thức để người nguyên thủy giải thích thế giới khi xã hội ở trình độ thấp và khoa học kỹ thuật chưa phát triển. Còn nghi lễ tôn giáo là một khía cạnh thực hành của thần thoại mà thông qua những hành vi của mình, người nguyên thủy mong muốn tạo ra những tác động nhất định đến với thế giới thần thánh trong thần thoại của cộng đồng mà họ tôn thờ.

Sang thế kỷ XIX, trong bối cảnh phát triển của khoa học về tôn giáo, nhiều nhà nghiên cứu tiếp tục đặt vấn đề xem xét mối quan hệ giữa thần thoại và nghi lễ tôn giáo trong tính tổng thể của các yếu tố cấu thành các học thuyết tôn giáo. Dựa trên những tiêu chí và cơ sở phân loại của tôn giáo thành các loại hình tôn giáo thời kỳ nguyên thủy, các loại hình tôn giáo dân tộc và tôn giáo thế giới, nhiều học giả cho rằng, trong mọi tôn

giáo, nghi lễ là yếu tố trung tâm và không thể thiếu, đặc biệt đối với tôn giáo thời kỳ cổ đại, thần thoại chính là yếu tố biện minh cho các nghi lễ tôn giáo. Thần thoại ban đầu là không thể thay đổi nhưng khi thần thoại thay đổi theo những dị bản thì nghi lễ tôn giáo thì có thể thay đổi, thậm chí biến mất theo sự tiến triển và những biến đổi của đời sống cộng đồng, đời sống xã hội. Tiêu biểu cho quan điểm này, có thể kể đến một số học giả:

Trong tác phẩm “*Bài giảng về tôn giáo của người Semite*” (Lectures on the Religion of the Semites, 1889), Smith (1889: 62) đã viết: “Nghi lễ tôn giáo của người nguyên thủy có xu hướng bảo thủ và không thể thay đổi bởi những thần thoại biện minh cho những nghi lễ đó là không thể thay đổi. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của xã hội, do những thần thoại ban đầu được truyền khẩu mà không có văn tự đã tạo nên nhiều dị bản, do đó, những nghi lễ tôn giáo dần dần bị lãng quên hoặc biến đổi khác xa so với ban đầu”. Trong tiểu luận “*Quan điểm nghi thức của thần thoại và huyền thoại*” (The Ritual View of Myth and the Mythic) Hyman (1955: 91) cũng tán đồng quan điểm của Smith, cho rằng: “Trên hoàn đảo Fiji... khi tất cả sự sống và nguồn gốc của muôn loài được giải thích bằng câu chuyện thần thoại kể về việc người anh hùng Mberewalaki là một vị thần khai phá và đặt ra tất cả các luật lệ, nghi lễ cho cư dân trên đảo. Người anh hùng ấy được thờ phụng như một vị thủy tổ của cả cộng đồng bộ lạc trên hoang đảo này. Thần thoại về anh hùng Mberewalaki thờ phụng gắn với các sự kiện trọng đại đánh dấu những mốc quan trọng của cư dân trên đảo, hình thành các nghi lễ và tất cả mọi người trên đảo Fiji đều tin theo”. Hyman cùng Tylor có cách nhìn khá tương đồng khi cho rằng thần thoại bắt nguồn từ nghi lễ đồng thời nghi lễ có trước thần thoại, và thần thoại phụ thuộc vào nghi lễ. Khi nghi lễ

xuất hiện do con người đặt ra, khởi xướng và thống nhất trong cộng đồng để cộng đồng thực thi, đồng thời việc thực hiện các nghi lễ lại gắn liền với thần thoại. Thần thoại có thể xuất hiện sau nghi lễ, vì thần thoại như một hình thức tưởng nhớ của thế hệ sau đối với công ơn của người khai mở và sáng tạo ra cộng đồng.

Cũng bàn về mối quan hệ giữa thần thoại và nghi lễ, Frazer (2019) trong cuốn *Cành vàng – Bách khoa thư về văn hoá nguyên thủy* thì lại cho rằng thần thoại được xuất hiện từ nghi lễ trong quá trình chuyển hoá và hình thành tôn giáo tự nhiên. Thông qua việc nghiên cứu về tục thờ cúng của người Némí, ông thấy rằng các truyền thuyết tuy không đáng tin cậy với tư cách là lịch sử, nhưng xét về giá trị tinh thần và tâm linh thì chúng là sự phản ánh đời sống và sinh hoạt của bộ lạc, đồng thời các truyền thuyết trong huyền thoại ấy cũng góp phần giải thích về nguồn gốc của nghi lễ. Đối với người nguyên thủy, việc mong muốn cất nghĩa cho hành vi thờ cúng của vị thần Diane ở Némí hoàn toàn dựa vào những câu chuyện thuộc huyền thoại, do đó rất ít tính xác thực và có thể không chứng minh được. Bởi, mục đích duy nhất của thần thoại được sáng tác ra nhằm cất nghĩa và cung cấp cho chúng ta những giả thiết minh chứng cho sự hợp lý của các hoạt động lễ nghi tôn giáo, nguồn gốc của các lễ nghi ấy cũng chính là sự mô phỏng toàn bộ những hành vi sinh hoạt có thực của cộng đồng, được phác hoạ và xây dựng trên cơ sở tưởng tượng của người nguyên thủy gắn với sự thần thánh hoá để trở nên khác lạ. Do đó, những thần thoại khác nhau của cộng đồng, thực chất là những câu chuyện kể mang giá trị của một hình mẫu nhất định được biến tấu nhằm minh hoạ cho một loại nghi lễ thờ cúng cụ thể nào đó. Điều này, tạo nên sự khác biệt giữa các lễ nghi thờ cúng của cộng đồng về

các tính chất, lẫn nội dung và ý nghĩa. Theo thời gian, sự biến đổi của các lễ nghi trong cộng đồng cùng tính chất dân gian hoá của những câu chuyện thần thoại sẽ có nhiều dị bản khác nhau, đồng thời cho phép chúng ta có sự so sánh để truy tìm về nguồn gốc ban đầu của chúng. “Giá trị của những chuyện kể đó giúp cho chúng ta có được hình mẫu và trong lúc minh hoạ tính chất của lễ thờ cúng, cung cấp cho chúng ta một phương tiện để so sánh, hơn nữa, những chuyện kể ấy minh chứng một cách gián tiếp niên đại hết sức cổ xưa của việc thờ cúng, thông qua việc chi cho chúng ta thấy rằng nguồn gốc thực sự của nó chìm sâu trong màn đêm của những thời đại hoang đường” (Frazer 2019: 23-24).

Từ góc độ lịch sử, khi nghiên cứu và phân tích các xã hội văn minh với sự xuất hiện của người hiện đại, Frazer (2019), nhận thấy rằng đối với con người hiện đại, niềm tin đã rời xa thần thoại mà tiến đến một nấc phát triển đó là dựa vào ma thuật. Tất nhiên, các nghi lễ tôn giáo cũng dựa trên ma thuật, con người đi từ niềm tin tôn giáo đến khoa học, do đó giữa ma thuật, tôn giáo và khoa học có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Quan điểm cho rằng giữa thần thoại và nghi lễ tôn giáo có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, Harrison (2008) cho rằng, phần lớn thần thoại chỉ là sự tưởng tượng, mô tả về một nghi lễ tôn giáo tương thích nào đó. Ý nghĩa căn bản của thần thoại là nói lên sự tương quan giữa các nghi lễ được thực hiện trong cộng đồng tôn giáo mà thôi. Những quan điểm trên có thể thấy rõ hai luồng quan điểm trái chiều, cho rằng nghi lễ xuất hiện từ thần thoại hoặc ngược lại thần thoại xuất hiện từ nghi lễ đều khá phổ biến trong giới nghiên cứu tôn giáo học. Tuy nhiên, cũng có luồng quan điểm khác cho rằng giữa nghi lễ và thần thoại ngay từ ban đầu đã có tính độc lập. Nhà nghiên cứu Burkert (1994) chỉ rõ thực chất mối quan hệ giữa thần thoại và

nghi lễ tôn giáo dù theo chiều hướng nào cũng đều phục vụ cho một mục đích duy nhất là tạo nên sự thống nhất trong xã hội và cộng đồng.

Đối với các học giả Malinowski (1926) và Eliade (2018) thì vấn đề nghi lễ tôn giáo có mối liên quan đến thần thoại mà không chịu sự quy định của thần thoại. Malinowski (1926: 73) trong tiểu luận *Huyền thoại trong Tâm lý học Nguyên thủy* (Myth in Primitive Psychology) chỉ ra rằng thần thoại thực chất là cách thức tưởng thuật hư cấu của người nguyên thủy về nguồn gốc của các nghi lễ trong cộng đồng, thần thoại khiến cho các nghi lễ luôn mang màu sắc thánh thiêng và nhân văn. Giữa thần thoại và nghi lễ là hai lĩnh vực độc lập, không có sự đồng nhất. Thần thoại là cách thức phản ánh của những loại hình văn học nghệ thuật nguyên thủy. Còn nghi lễ là sự đi sâu vào đời sống văn hoá tâm linh tôn giáo của họ. Eliade (2018) thì cho rằng, trong các xã hội, nghi lễ tôn giáo được coi trọng vì chúng được thiết lập bởi các vị thần hoặc anh hùng thần thoại. “Thần thoại về nguồn gốc vũ trụ ngoài chức năng quan trọng của nó là kiểu mẫu và bảo chữa cho tất cả những hoạt động của con người, còn hình thành cái nguyên mẫu của cả tổ hợp những huyền thoại về hệ thống nghi lễ” (Eliade 2018: 450).

Khi bàn về mối quan hệ giữa thần thoại và nghi lễ tôn giáo nhiều học giả đã chỉ ra rằng, nếu so với thần thoại hay thậm chí nội dung của tôn giáo, nghi lễ có một tầm quan trọng rất lớn với các tín đồ. Chẳng hạn, theo Đặng Nghiêm Vạn (2012: 121): “Nếu thần thoại hay giáo lý thu hút con người ta bằng lời, thì nghi lễ làm phong phú thêm lời nói bằng những hành vi tạo ra một trường tôn giáo (champ religieux) - một ngôn ngữ hành động - cuốn hút con người ta không chỉ một lần, mà nhiều lần, được lặp đi lặp lại, nhằm tạo nên một tập quán ăn sâu vào tâm thức tôn giáo của các thành viên trong cộng đồng

- một cộng đồng thống nhất sống động - có liên kết với một thế giới siêu linh mà họ có quan hệ”.

Từ những quan điểm về mối quan hệ giữa thần thoại và nghi lễ tôn giáo của các học giả nói trên, rõ ràng việc tranh luận rằng thần thoại có trước hay nghi lễ tôn giáo có trước? nghi lễ tôn giáo bắt nguồn từ thần thoại hay thần thoại bắt nguồn từ nghi lễ tôn giáo? vẫn luôn là những câu hỏi nghiên cứu trong lịch sử tôn giáo học. Tuy nhiên, theo quan điểm của tôi, ở mỗi khía cạnh tiếp cận của các khoa học cụ thể như nhân học, xã hội học, văn hoá học, lịch sử hay tôn giáo học, v.v. đều cho chúng ta những câu trả lời khác nhau và không có sự đồng nhất. Đặc biệt, đối với triết học nói chung và triết học duy vật nói riêng thì việc trả lời cho câu hỏi này cũng là một bài toán có nhiều đáp án và chưa hề ngã ngũ. Tiếp cận của triết học về tôn giáo và nhất là trên lập trường duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, xem xét mối quan hệ giữa thần học và nghi lễ tôn giáo, dựa theo việc tổ chức và các quan hệ xã hội trong mỗi hình thái kinh tế xã hội mà nhân loại đã trải qua, có thể thấy rằng những nghi lễ tôn giáo chính là sự biểu đạt và tái hiện lại toàn bộ hành vi của con người trong đời sống, sinh hoạt và các mối quan hệ cộng đồng. Thần thoại là hình thức hư cấu và thể hiện ước mơ, khát vọng về sự hiểu biết của người nguyên thủy trong việc tìm kiếm câu trả lời thích hợp để có thể lý giải thế giới tự nhiên và đời sống con người. Hơn nữa, thần thoại cũng có vai trò tạo nên màu sắc và tô điểm cho phần nghi lễ tôn giáo đảm bảo được tính thánh thiêng, khiến cho đối tượng được tôn thờ của con người mang vỏ bọc hư ảo và hình hài, nhân cách và thuộc tính không xác định tồn tại trong thực tế mà chỉ tồn tại trong niềm tin và sự ngưỡng vọng của con người. Như vậy, rất có thể nghi lễ tôn giáo là có trước bởi vì phần lớn các nghi

lễ tôn giáo đều là sự mô phỏng những hành vi của con người, cộng đồng. Thần thoại là cái có sau bởi thần thoại góp phần giải thích cụ thể, rõ nghĩa và biện minh cho những hành vi của nghi lễ tôn giáo mang tính hợp lý và được cộng đồng chấp nhận. Tuy nhiên, nếu đứng trên lập trường của triết học duy tâm về tôn giáo, có lẽ thần thoại là cái có trước và là nguồn gốc của nghi lễ tôn giáo. Bởi vì, triết học duy tâm về tôn giáo lấy nguyên lý thừa nhận sự tồn tại của những yếu tố ý thức và niềm tin có trước so với vật chất và hành vi con người. Chính vì lẽ đó, thần thoại, truyền thuyết là một dạng thức ý thức, niềm tin sơ khai của con người trong việc diễn giải nguồn gốc của thế giới, vũ trụ và con người. Do đó, thế giới quan thần thoại là cái có trước, chi phối mọi lĩnh vực trong đời sống con người, trong đó có các lễ nghi nói chung và nghi lễ tôn giáo nói riêng.

5. Kết luận

Từ góc nhìn của triết học về tôn giáo cho thấy, việc nghiên cứu, xem xét thần thoại và nghi lễ tôn giáo trong tiến trình lịch sử nghiên cứu tôn giáo học là cần thiết, nhằm luận giải cho những vấn đề về cấu trúc tôn giáo, đặc biệt là nghi lễ tôn giáo cũng như tính độc lập của thần thoại với tư cách là thế giới quan cổ xưa của người nguyên thủy, tồn tại và thân thuộc đối với nhân loại trong nhiều thế kỷ qua. Thần thoại có thể khai thác về mặt tư tưởng, loại hình và thể loại dưới góc nhìn của văn học nghệ thuật, nhưng thần thoại với vai trò là yếu tố tạo nên màu sắc và bản chất “hư ảo”, tính thiêng cho tôn giáo lại gắn với yếu tố của niềm tin, tín ngưỡng và sự tôn thờ, những hành vi tôn giáo được tái hiện qua các nghi lễ tôn giáo là sự cụ thể hoá cho những tư tưởng, quan niệm thần thoại trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo. Do đó, dưới góc độ của triết học về

tôn giáo, sẽ không thể tách rời thần thoại với những nghi lễ tôn giáo một cách độc lập. Bởi giữa thần thoại và nghi lễ tôn giáo có mối quan hệ mật thiết, gắn bó chặt chẽ với nhau, đồng thời tương trợ, bổ sung cho nhau trong quá trình tồn tại và phát triển. Nếu như thần thoại là những vấn đề trong ý thức, niềm tin và khát vọng của con người được gửi gắm qua các câu chuyện, thần tích, cổ tích, truyền thuyết, thì nghi lễ tôn giáo giúp cho các nhân vật thần thánh trong những câu chuyện ấy được bước ra và hiển hiện trong đời sống hiện thực, hàng ngày của con người, trong ý thức và niềm tin tôn giáo của tín đồ. Thần thoại và nghi lễ tôn giáo giống như hai mặt của một thực thể, vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn, vừa độc lập nhưng lại ràng buộc lẫn nhau. Sẽ không thể có nghi lễ tôn giáo nào mà không được lấy nguồn gốc, chất liệu từ thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, v.v. để giải thích, chứng minh và biện giải. Ngược lại, thế giới các vị thần, vị thánh trong thần thoại, truyền thuyết là cả một thế giới quan tôn giáo giàu màu sắc mà nghi lễ tôn giáo là sự tái sinh của các vị thần, vị thánh, tái sinh của thần thoại trong hiện thực đời sống con người, đời sống cộng đồng.

Tài liệu trích dẫn

- Burkert Walter. 1994. *Greek Religion*. Oxford: Blackwell Publishers.
- C.Mác, Ph.Ăngghen. 2008. *Toàn tập*, tập 16. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Đặng Nghiêm Vạn. 2012. *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*. Hà Nội. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Eliade Mircea. 2018. *Bản về nguồn gốc các tôn giáo*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Frazer Jame George. 2019. *Cành vàng bách khoa thư về văn hoá nguyên thủy*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tri thức.

- Harrison Ellen Jane. 2008. *Prolegomena to the study of Greek religion (second edition)*. Cambridge, UK: University Press.
- Hyman Stanley Edgar. 1955. "The Ritual View of Myth and the Mythic". *The Journal of American Folklore* 68: 270-308.
- Lê Trung Vũ, Nguyễn Hồng Dương. 1997. *Lịch sử lễ hội*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin.
- Mai Thanh Hải. 2002. *Từ điển tôn giáo*. Hà Nội: Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa.
- Malinowski. 1926. *Myth in Primitive Psychology*. Oxford: Blackwell.
- Mechkovskaya, Нина Борисовна Мечковская. 1998. *Язык и религия: Лекции по филологии и истории религий*. М.: Издательский дом: Агентство «Файр», (*Ngôn ngữ và Tôn giáo: Các bài giảng về Triết học và Lịch sử Tôn giáo*. М.: Nhà xuất bản: Agency "Fair).
- Meletincki. 1991. *Từ điển thần thoại*. Hà Nội: Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa.
- Mittelsstrass James. 2018. *Multiple Religious Identities*. Switzerland: University of Bern,.
- Muller Friedrich Max. 2006. *Introduction to the Science of Religion - four lectures*. Kessinger Publishing.
- Nehru Jawaharlal. 1990. *Phát hiện Ấn Độ*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hoá.
- Nguyễn Minh Tiến. 2000. *Từ điển dành cho những người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Nguyễn Văn Khoa. 2014. *Thần thoại Hy Lạp*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học Đông A.
- Ryrie Charles. 2005. *Thần học căn bản - Cẩm nang phổ quát hướng dẫn tìm hiểu lễ thật Kinh thánh theo hệ thống*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo.
- Segal Robert A. 1980. "The Myth-Ritualist theory of religion". *Journal for the Scientific Study of Religion* 19: 173-185.
- Segal Robert A. 1998. *The myth and ritual theory: an anthology*. Oxford: Blackwell.
- Smith William Robertson. 1889. *Lectures on the Religion of the Semites*. Oxford: Blackwell.
- Turner Victor. 2006. "Biểu tượng trong nghi lễ của người Ndembu". Trang 242 - 275, trong sách *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Chủ biên Hội Khoa học lịch sử Việt Nam - Tạp chí Xưa & Nay. Đà Nẵng: Nhà xuất bản Đà Nẵng.
- Tylor Edward Burnett. 2001. *Văn hoá nguyên thủy*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hoá nghệ thuật.
- Thích Hoàn Quan. 2018. *Nghi lễ và bách sự nhật dụng*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Thích Lệ Trang. 2012. *Ý nghĩa và lợi ích nghi lễ Phật giáo*. Thành phố Hồ Chí Minh: Học viện Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thích Thanh Lợi. 2020. *Nghi lễ Phật giáo Việt Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh: Học viện Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thiều Chửu. 2004. *Hán Việt từ điển*: Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.
- Мирча Элиаде. 1999. *Очерки сравнительного религиоведения*. М.: Ладомир (*Tiểu luận về Tôn giáo học đối chiếu*. Mát-xcơ-va: Ladomir).